ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 68 /BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 3 năm 2017*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 2308
Ngày: 20.3.17
Chuyển:

BÁO CÁO

Việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với cá nhân, tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Công văn số 218/VPQH-GS ngày 18/01/2017 của Văn phòng Quốc hội về việc báo cáo Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo Nghị quyết số 322/NQ-UBTVQH14 về việc báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với cá nhân, tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo như sau:

Phần I
TÌNH HÌNH THỰC THI CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ KHAI THÁC, NUÔI TRỒNG, CHẾ BIẾN HẢI SẢN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm, tình hình thực hiện

Tỉnh Quảng Ngãi có 14 huyện, thành phố; trong đó, vùng ven biển có 4 huyện, 1 thành phố, 1 đảo Lý Sơn tiếp giáp với biển, tổng chiều dài bờ biển khoảng 130 km, đảo Lý Sơn cách bờ biển khoảng 25 km, diện tích hơn 10km2, có 06 cửa biển: Sa Cần, Sa Kỳ, Cổ Lũy, Cửa Lở, Mỹ Á và Sa Huỳnh.

Vùng đặc quyền kinh tế biển Quảng Ngãi rộng trên 48.000 km2, trong đó vùng khai thác có hiệu qủa rộng khoảng trên 11.000 km2, trữ lượng hải sản khoảng trên 70.000 tấn, khả năng khai thác khoảng 30.000 tấn với nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế cao. Vùng ven biển Quảng Ngãi với gần 1.000 ha mặt nước, rất thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản. Do vậy, biển, đảo và vùng ven biển Quảng Ngãi chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế, phục vụ tích cực sự phát triển công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước nói chung và tỉnh nhà nói riêng gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng.

Trong những năm qua, được Đảng, Nhà nước quan tâm, việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh được đẩy mạnh. Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên khu vực biên giới biển của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện; các bến cảng, cảng cá, khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu thuyền, các khu du lịch, dịch vụ ven biển, nhất là đảo Lý Sơn... được đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động, đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực, góp

phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở địa phương; tạo niềm tin, phấn khởi cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân tích cực tham gia phát triển kinh tế biển, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên khu vực biên giới biển của tỉnh.

Tuy có nhiều tiềm năng, lợi thế và điều kiện thuận lợi như trên, song vùng ven biển và đảo Lý Sơn của tỉnh còn nhiều khó khăn: Tỷ lệ hộ nghèo của đảo và vùng bãi ngang ven biển còn khá cao, trình độ dân trí trong vùng còn rất hạn chế, tỷ lệ tăng dân số vẫn đang ở mức cao, thiên tai (bão, lũ, bồi lấp cửa biển, sạt lở bờ sông, bờ biển) hàng năm luôn xảy ra đã để lại hậu quả khá nặng nề. Kết cấu hạ tầng trong vùng chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển, các vũng neo trú tàu thuyền, cảng cá đang trong quá trình xây dựng chưa hoàn thiện, luôn trong tình trạng quá tải, luồng vào cảng cá luôn bị bồi lấp; hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản trên vùng triều, vùng đất cát ven biển chưa được quy hoạch và xây dựng đáp ứng nhu cầu và phát triển bền vững.

2. Việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh

Ngành thủy sản đóng vai trò ngày càng quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi, chiếm gần 10% tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP), giải quyết việc làm cho hàng chục ngàn lao động (cả trực tiếp và gián tiếp), thực hiện giảm nghèo, tăng thu nhập, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo. Trong những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quán triệt và triển khai thực hiện đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế biển gắn với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc; củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, bọn phản động, các loại tội phạm.

Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành chức năng, chính quyền địa phương các huyện, thành phố ven biển triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 28/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở các xã, phường biên giới, hải đảo; Quyết định số 1022/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 1059/NQ-UBTVQH13 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa; Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới; UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày

27/01/2015 triển khai thực hiện các biện pháp cấp bách để ngăn chặn tàu cá và ngư dân Quảng Ngãi xâm phạm vùng biển các nước khai thác hải sản.

II. VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ KHAI THÁC, NUÔI TRỒNG, CHẾ BIẾN HẢI SẢN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền

a) Số lượng văn bản đã ban hành, loại văn bản, thời gian ban hành:

Trên cơ sở Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, giai đoạn 2011-2016, UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật như sau:

- Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 15/01/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2015.

- Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 27/07/2015 của UBND tỉnh Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020.

- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 27/04/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về phân cấp, phân công cơ quan kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thực phẩm nông lâm thủy sản và cơ quan quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 14/7/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2011 - 2020;

- Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015 – 2020, và nhiều văn bản khác.

b) Các văn bản quy phạm pháp luật UBND tỉnh ban hành có tính khả thi cao phù hợp với đặc thù của địa phương và thống nhất với các văn bản quy định hiện hành của trung ương.

c) Một số quy định của văn bản quy phạm pháp luật còn chồng chéo, không còn phù hợp,...cần sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

- Về quản lý hoạt động thủy sản theo Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31/3/2010 của Chính phủ có một số nội dung cần xem xét: Quy định phân vùng khai thác chưa hợp lý; vùng biển ven bờ của tỉnh Quảng Ngãi quá rộng, độ sâu lớn, trong khi cường lực khai thác của đội tàu dưới 20 CV còn hạn chế nên chưa khai thác hợp lý nguồn lợi, vùng lộng có độ sâu trên 100m, nhóm tàu 20 CV đến dưới 90 CV khai thác kém hiệu quả nên ít tàu tham gia khai thác trong vùng biển ven bờ. Quy định nghề khai thác chưa hợp lý; nghề lưới vây khai thác cá nổi nhỏ được phép hoạt động không giới hạn công suất trong vùng biển ven bờ và vùng lộng, nhưng khai thác cá nổi nhỏ không chỉ có nghề lưới vây mà còn có nghề mành, pha xúc lại bị giới hạn công suất. Quy định ghi và nộp sổ nhật ký khai thác và báo cáo

khai thác nhằm mục đích quản lý hoạt động khai thác là rất tốt, tuy nhiên, việc xử lý sổ nhật ký khai thác và báo cáo khai thác ngư dân nộp chưa thực hiện được nên không đạt mục tiêu quản lý, gây lãng phí.

- Về quản lý phát triển tàu cá: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 3602/QĐ-BNN-TCTS ngày 19/8/2014 về việc ban hành hướng dẫn về số lượng tàu cá đóng mới thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, trong đó phân bổ số lượng tàu cá đóng mới bổ sung cho từng địa phương cấp tỉnh thực hiện, đến ngày 18/11/2015 tiếp tục ban hành Công văn số 9443/BNN-TCTS hướng dẫn thực hiện Quyết định số 3602/QĐ-BNN-TCTS lại quy định *tổng số tàu cá đóng mới bao gồm cả số lượng tàu đóng từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn khác của ngư dân*; như vậy, làm giảm chỉ tiêu đóng mới tàu cá của tỉnh, hiện nay, tỉnh đã hết chỉ tiêu đóng mới tàu cá, làm hạn chế phát triển đội tàu công suất lớn.

- Về vận hành dự án Movimar: Tham gia Dự án hệ thống quan sát tàu cá, vùng đánh bắt và nguồn lợi thủy sản bằng công nghệ vệ tinh (Movimar) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư, tỉnh được phân bổ lắp Movimar trên 305 tàu cá trên tổng số 3.000 tàu cá của cả nước tham gia dự án. Quá trình đưa vào sử dụng, thiết bị không mang lại hiệu quả thiết thực đối với ngư dân, không cung cấp bản tin về dự báo ngư trường; dự báo thời tiết chậm hơn các mạng internet, tốn điện, chiếm nhiều không gian trong khi diện tích cabin tàu cá có hạn, phải ưu tiên dành cho các máy móc, trang thiết bị thiết yếu khác để vận hành tàu an toàn; nhiều ngư dân không hiểu rõ tính năng, công dụng nên ít khi sử dụng và hầu hết mang máy về nhà cất giữ, muốn trả lại dự án.

- Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế: Các quy định của các bộ, ngành trung ương chưa sát với thực tế địa phương, dẫn đến kém hiệu lực thi hành.

2. Việc chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) UBND tỉnh ban hành một số chủ trương, chính sách, chỉ đạo điều hành như sau:

- Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động khai thác thủy sản.

- Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 15 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

- Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 24/11/2010 của UBND tỉnh ban hành một số chính sách hỗ trợ dân sinh, hỗ trợ sản xuất và cơ chế khắc phục các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội bị thiết hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 29/12/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 23/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam giai đoạn 2010-2015.

- Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của UBND tỉnh ban hành chế độ tài chính phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 14/7/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 -2020.

- Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 19/05/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020.

- Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/05/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020.

- Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Khu bảo tồn biển Lý Sơn.

- Các Chỉ thị của UBND tỉnh số: 03/CT-UBND ngày 27/01/2015 về việc thực hiện các biện pháp cấp bách để ngăn chặn tàu cá và ngư dân Quảng Ngãi xâm phạm vùng biển các nước khai thác hải sản; số 20/CT-UBND ngày 14/12/2009 về việc tăng cường quản lý tàu cá và ngư dân hoạt động khai thác thủy sản ngoài vùng biển Việt Nam.

- Kế hoạch số 6533/KH-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh về việc tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020.

- Các Công văn của UBND tỉnh: số 6224/UBND-NNTN ngày 04/12/2015 về việc tăng cường quản lý phát triển tàu cá trên địa bàn tỉnh; số 3862/UBND-NNTN ngày 03/9/2014 về việc phân bổ số lượng tàu cá đóng mới theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP cho các địa phương; số 795/UBND-NNTN ngày 26/3/2012 về việc thành lập nghiệp đoàn nghề cá ở các huyện ven biển của tỉnh.

b) Công tác quy hoạch, kế hoạch khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh:

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 14/7/2011 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 -2020. Tuy nhiên, hiện nay Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 cho phù hợp với tình hình thực tế và chính sách mới của Chính phủ.

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020.

c) Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản của tỉnh được bố trí như sau:

- Cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cơ quan tham mưu trực tiếp UBND tỉnh, bao gồm các đơn vị trực thuộc: Chi cục Thủy sản tham mưu về quản lý khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý tàu cá, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá; Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản tham mưu quản lý chất lượng vật tư và sản phẩm thủy sản, chế biến thủy sản; Chi cục Chăn nuôi và Thú y tham mưu công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản, quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản.

- Cấp huyện: Cơ quan tham mưu UBND huyện là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng.

d) Về điều kiện công tác quản lý nhà nước: Trang thiết bị đầy đủ các điều kiện làm việc của cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ. Tuy nhiên, công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác thủy sản trên vùng biển của tỉnh còn hạn chế vì thiếu phương tiện và kinh phí.

e) Tổ chức, hoạt động của các cơ quan, tổ chức kiểm định, giám định khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản:

- Cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì; có 3 đơn vị trực thuộc sở: Chi cục Thủy sản: 20 biên chế hành chính, kinh phí hoạt động 2.629 triệu đồng/năm (2017); Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản: 16 biên chế hành chính và 05 biên chế sự nghiệp, kinh phí hoạt động 2.360 triệu đồng/năm (2017); Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 18 biên chế hành chính và 67 biên chế sự nghiệp, kinh phí hoạt động 13.227 triệu đồng/năm (2017).

- Cấp huyện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế; các phòng có 02 biên chế kiêm nhiệm lĩnh vực thủy sản (01 lãnh đạo phụ trách và 01 chuyên viên).

g) Công tác phối hợp liên ngành về quản lý ở địa phương: UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký kết phối hợp hoạt động với:

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng: Kế hoạch số 2618/KHPH-SNN-BĐBP ngày 06/11/2014 (trước đó là Kế hoạch phối hợp hoạt động số 334/KHPH-BĐBP-SNN&PTNT ngày 26/3/2010).

- Công an tỉnh: Qui chế phối hợp số 512/QCPH/CA-NN ngày 16/3/2016 về công tác đảm bảo an ninh, trật tự lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (trước đó là Qui chế phối hợp số 1615/QCPH ngày 23/9/2008).

3. Ngân sách đầu tư cho công tác quản lý khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền từ trung ương đến địa phương

a) Ngân sách trung ương (chỉ tính nguồn được cấp hàng năm cho nhiệm vụ quản lý khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản, kinh phí từ các chương trình, dự án...): chưa được hỗ trợ.

b) Ngân sách địa phương:

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Kinh phí (triệu đồng)	832	1.074	1.484	1.107	1.039	1.231

c) Nguồn thu được trích để lại phục vụ trực tiếp cho quản lý khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản (phí, lệ phí, kinh phí xử phạt vi phạm hành chính...):

Năm	**2011**	**2012**	**2013**	**2014**	**2015**	**2016**
Kinh phí (triệu đồng)	1.313	1.976	2.200	2.830	2.968	4.168

d) Các nguồn tài chính khác (hỗ trợ quốc tế, đóng góp tổ chức cá nhân...): Không có.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ KHAI THÁC, NUÔI TRỒNG, CHẾ BIẾN HẢI SẢN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Công tác tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh luôn được các sở, ngành, địa phương và các đoàn thể quan tâm triển khai thường xuyên

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức khoảng 10 lớp tập huấn, tuyên truyền pháp luật thủy sản tại các xã nghề cá trọng điểm cho hơn 600 lượt người tham dự là ngư dân, cán bộ thôn, đại diện các Hội đoàn thể ở xã; tổ chức 60 lớp tập huấn, tuyên truyền cho khoảng 4.000 lượt người tham dự. Thông qua các lớp tập huấn đã phổ biến các kiến thức pháp luật về biển đảo, các Hiệp định, Thỏa thuận hợp tác nghề cá Việt Nam đã ký kết với các nước trong khu vực; hướng dẫn, vận động ngư dân khai thác theo tổ, đội để hỗ trợ nhau trên biển.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tổ chức Hội nghị quán triệt, phổ biến Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCH Trung ương Đảng khoá X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, tổ chức phổ biến Luật Biển Việt Nam; tập huấn Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; nói chuyện chuyên đề về "Phán quyết của Tòa Trọng tài về Đường chín đoạn và Yêu sách lịch sử của Trung Quốc trên các vùng biển thuộc Biển Đông"; tổ chức 05 lớp đào tạo, truyền thông về quản lý tổng hợp đới bờ cho công chức các sở, ngành, địa phương ven biển, hải đảo; 20 lớp truyền thông về quản lý tổng hợp đới bờ cho 1.200 cán bộ và cộng đồng dân cư; hướng dẫn thành lập và hỗ trợ hoạt động cho 06 tổ tự quản bảo vệ tài nguyên và môi trường biển tại các xã: Bình Châu, Bình Hải, huyện Bình Sơn. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng chuyên mục "Biển đảo và cuộc sống" (đã phát hành 31 số/05 năm); tổ chức in ấn, cấp phát 3.150 tập tài liệu về Luật Biển Việt Nam, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, và những văn bản pháp luật chuyên ngành về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên và môi trường biển; treo 672 pano, băng rôn, phướn hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới (05/6), Ngày Đại dương Thế giới (08/6) và Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01/6 - 08/6); vận động các doanh nghiệp tham gia xã hội hóa treo 210 tấm pano tuyên tuyền về chủ quyền biển, đảo; xây dựng cụm pano tuyên truyền cố định tại xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi; tuyên truyền bằng xe lưu động tại các huyện, thành

phố ven biển, hải đảo; tổ chức thành công Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2015 quy mô cấp Quốc gia. Truyền hình trực tiếp Lễ Mít tinh kỷ niệm Ngày Đại dương thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam với chủ đề "Đại dương xanh - Hành tinh xanh" với sự tham gia của 1.500 người; triển lãm ảnh với chủ đề "Biển, đảo Quảng Ngãi'' với 100 bức ảnh; thả cá tái tạo nguồn lợi thủy sản; lễ ra quân làm sạch môi trường bãi biển.

c) Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh: Tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ, ngư dân và lực lượng trực tiếp tham gia làm nhiệm vụ trên biển có nhận thức đúng đắn về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành TW Đảng (khoá X) về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; Nghị định 30/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010; Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 18/12/2015 của Chính phủ; Thông tư số 70/2011/TT-BQP ngày 27/4/2011 của Bộ Quốc phòng; Kế hoạch số 193/KH-BQP ngày 24/01/2011 của Bộ Quốc phòng; Kế hoạch số 1389/KH-UBND ngày 23/5/2011 của UBND tỉnh về huy động, nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền các vùng biển và thực hiện chính sách, pháp luật, khai thác hải sản gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

d) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước về thực hiện chính sách, pháp luật về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên khu vực biên giới biển, đảo của tỉnh; phát triển kinh tế biển phải gắn với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc; củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, bọn phản động, các loại tội phạm.

e) Công an tỉnh: Chủ động phối hợp các ngành chức năng, chính quyền địa phương các cấp thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền về biển, đảo gắn với phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, trong đó, tập trung vào địa bàn trọng điểm về an ninh, trật tự; khu vực biển, đảo của tỉnh. Năm 2016, tổ chức 24 đợt phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với hơn 1.270 người tham dự gắn với tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho ngư dân; tiếp tục duy trì hoạt động "Tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển gắn với công tác bảo vệ an ninh chủ quyền biển đảo của Tổ quốc"; thực hiện 14 tin, 15 phóng sự trên chuyên mục An ninh Quảng Ngãi; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh phát sóng chuyên mục An ninh Quảng Ngãi tiếng Cor và Hrê; 16 bài trong chuyên trang về an ninh, trật tự trên Báo Quảng Ngãi; 13 tin, 17 phóng sự trên kênh Truyền hình Công an nhân dân (ANTV); 11 tin, phóng sự trong chương trình phát thanh Công an Quảng Ngãi phục vụ cho công tác tuyên truyền...

2. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

- Hiện nay, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai thực hiện dự án điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó sẽ lồng ghép

một số nội dung của Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thuỷ sản đến năm 2020.

- Hoạt động phục hồi, tái tạo và phát triển nguồn lợi hải sản: Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo Trung tâm Giống, Chi cục Thủy sản tổ chức thả bổ sung vào một số thuỷ vực tự nhiên một số loài thuỷ sản nhằm khôi phục nguồn lợi, tăng mật độ quần thể của các loài thuỷ sản đã bị khai thác cạn kiệt, lập lại cân bằng sinh thái, ổn định quần xã sinh vật thuỷ sinh trong một số thuỷ vực; kinh phí chi cho hoạt động phục hồi, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2016 như sau:

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Kinh phí (triệu đồng)	-	49,56	196,83	296,96	507,00	197,00

UBND tỉnh chỉ đạo nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản và tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tăng cường kiểm tra, kiểm soát nhằm ngăn chặn các hoạt động khai thác thủy sản bất hợp pháp để bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Công tác bảo vệ, bảo tồn đa dạng thủy sinh vật: UBND tỉnh giao nhiệm vụ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với lực lượng Bộ đội Biên phòng tổ chức kiểm tra, kiểm soát các hoạt động khai thác thuỷ sản mang tính huỷ diệt, sử dụng các ngư cụ cấm khai thác, khai thác các đối tượng cấm khai thác, khai thác không đúng vùng quy định; tổ chức điều tra, đánh giá sinh học của hệ sinh thái vùng triều ven bờ biển và đảo Lý Sơn, kết quả khảo sát cho thấy vùng triều Lý Sơn có tính đa dạng loài cao, là nơi lưu giữ các nguồn gen có giá trị về đa dạng sinh học; UBND tỉnh thành lập Khu bảo tồn biển Lý Sơn, phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 02/02/2017.

- Hầu hết ngư dân sử dụng ngư cụ, phương tiện khai thác thủy sản đúng quy định, cá biệt vẫn còn một số ngư dân lén lút sử dụng thuốc nổ khai thác thủy sản trên các vùng biển xa.

- Hàng năm, Chi cục Thủy sản phối hợp với Tổng cục Thủy sản thu thập số liệu nghề cá cơ bản để phục vụ điều tra nguồn lợi, trữ lượng một số nhóm đối tượng khai thác chủ yếu, có giá trị kinh tế, có sản lượng khai thác lớn ở vùng biển khơi tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, vùng biển ven bờ và vùng lộng của tỉnh chưa được điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản.

b) Khai thác hải sản

- Sản lượng khai thác hải sản của tỉnh thống kê qua các năm cho thấy hiệu quả kinh tế của ngành thủy sản đóng góp rất lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Sản lượng (tấn)	113.000	126.960	146.939	150.576	161.692	173.950

- Khai thác hải sản xa bờ: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh tổng số tàu 90 CV trở lên có khả năng khai thác thủy sản xa bờ là 3.170 chiếc, chủ yếu nghề lưới rê, vây, câu mực, câu cá ngừ đại dương; các tàu được trang bị thiết bị bảo quản sản phẩm; hiện nay, tỉnh xây dựng và nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất hợp tác xã, nghiệp đoàn nghề cá, tổ đoàn kết; phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần nghề cá để kéo dài thời gian sản xuất trên biển, tăng hiệu quả kinh tế; trang bị các thiết bị kết nối vệ tinh để giám sát quá trình hoạt động của tàu cá trên biển, giảm thiệt hại về người và tài sản khi bị thiên tai và sự cố kỹ thuật xảy ra trên biển.

- Khai thác hải sản gần bờ: Trong giai đoạn 2011-2016 tổng số tàu thuyền có công suất dưới 90 CV toàn tỉnh giảm nhanh, đầu năm 2011 có 3.906 chiếc đến cuối năm 2016 có 2.301 chiếc (giảm 1.605 chiếc). Số lượng tàu dưới 90 CV giảm mạnh là do ngư dân cải hoán, thay máy công suất lớn để đánh bắt xa bờ và giải bản tàu cũ để đóng tàu mới công suất lớn, hạn chế phát triển, tiến tới giảm dần các tàu hoạt động ở vùng biển ven bờ.

- Quản lý vùng khai thác: Việc cấp Giấy phép khai thác thủy sản có ghi cụ thể vùng được phép khai thác, thời gian hoạt động theo quy định. Tuy nhiên, việc giám sát hoạt động của tàu cá theo nội dung giấy phép đã cấp còn nhiều hạn chế.

- Các mô hình hợp tác, liên kết khai thác hải sản: Trong tỉnh có các loại hình hợp tác, liên kết sản xuất nghề cá như: Nghiệp đoàn nghề cá, Chi hội nghề cá, Hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ, Tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển,.. toàn tỉnh có 299 tổ đoàn kết, 12 nghiệp đoàn nghề cá, 15 Tổ chức chi hội nghề cá và 8 HTX nghề cá,...các tổ chức, hội, HTX đoàn kết sản xuất trên biển hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong quá trình sản xuất, phòng tránh thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phối hợp với các lực lượng chức năng tham gia bảo vệ an ninh trật tự, chủ quyền biển; đó giúp cơ quan quản lý nhà nước thuận lợi trong việc nắm bắt thông tin về tình hình của các tàu hoạt động trong vùng biển và các thông tin liên quan đến sự xâm phạm trái phép của tàu cá nước ngoài vào vùng biển Việt Nam.

c) Tàu cá và dịch vụ hậu cần nghề cá: Trên cơ sở số lượng tàu cá đóng mới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ cho tỉnh theo Quyết định số 3602/QĐ-BNN-TCTS ngày 19/8/2014, UBND tỉnh đã có văn bản phân bổ số lượng tàu cá đóng mới cho các huyện, thành phố và chỉ đạo các sở, ngành, địa phương quản lý chặt chẽ việc đóng mới tàu cá.

- Đăng ký tàu cá và đăng ký thuyền viên tàu cá: Tính đến cuối tháng 02/2017 toàn tỉnh Quảng Ngãi có 5.511 tàu cá với tổng công suất 1.411.099 CV; trong đó: tàu dưới 20 CV có 1.038 chiếc/12.827 CV, tàu từ 20 đến dưới 90 CV có 1.215 chiếc/50.015 CV, tàu từ 90 đến dưới 400 CV có 1.467 chiếc/364.110 CV và tàu từ 400 CV trở lên có 1.791 chiếc/984.147 CV); số lượng tàu cá toàn tỉnh đã đăng ký giai đoạn 2011-2016 theo Phụ lục 2. Lao động khai thác thủy sản trong tỉnh năm

2011: 33.071 người, năm 2015: 41.203 người, tăng trưởng bình quân giai đoạn này là 4,5%/năm.

- Số lượng tàu dịch vụ hậu cần, thu mua thủy sản trên biển toàn tỉnh chỉ có 124 chiếc/tổng số 5.511 tàu cá, chủ yếu hoạt động gần bờ, những năm gần đây hầu như không phát triển thêm. Không có tàu chế biến hải sản trên biển.

- Đầu tư, đào tạo nghề... khuyến khích phát triển khai thác xa bờ: Từ năm 2012, triển khai Đề án 1956 của Chính phủ (về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2020) tỉnh đã tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng cho hàng ngàn lượt ngư dân. Ngư dân được trang bị kiến thức về kỹ năng lái tàu, tìm hiểu ngư trường khai thác, cách khắc phục, sửa chữa máy tàu khi gặp sự cố; các quy định của pháp luật khi tham gia hoạt động khai thác trên biển; cách cứu hộ, cứu nạn trên biển; cách điều khiển tàu chạy tránh trú bão, phương cách bảo quản hải sản an toàn.

- Phát triển cảng cá, bến cá, khu neo đậu trú bão của tàu cá: Thực hiện Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, đến nay đã thực hiện quy hoạch và đầu tư các dự án: Công trình cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão tại Lý Sơn, Sa Cần, Cổ Lũy, Tịnh Hòa, Mỹ Á, Sa Huỳnh, cảng cá Sông Trà Bồng, cảng cá Tịnh Kỳ và bến cá Đức Lợi.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay trên địa bàn tỉnh chỉ mới triển khai đầu tư được 6 cảng cá là: Cảng cá sông Trà Bồng, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn được khởi công xây dựng năm 2010 và hoàn thành năm 2011 với công suất là 100 lượt tàu 400 cv/ngày, lượng hàng thủy sản qua cảng 5.000 tấn SP/năm; Cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Tịnh Hoà, xã Tịnh Hoà, thành phố Quảng Ngãi, xây dựng năm 2007 với công suất là 350 chiếc, lượng hàng thủy sản qua cảng là 8.000 tấn SP/năm; Cảng cá Tịnh Kỳ, xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi xây dựng năm 2009 với công suất 650 chiếc, lượng hàng thủy sản qua cảng là 12.000 tấn SP/năm; cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Mỹ Á, xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ đã được đầu tư giai đoạn 1 vào cuối năm 2010 với công suất là 400 chiếc, lượng hàng thủy sản qua cảng là 5.000 tấn SP/năm; Cảng cá Sa Huỳnh, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ xây dựng năm 2009 với công suất 500 chiếc, lượng hàng thủy sản qua cảng là 15.000 tấn SP/năm; Cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Lý Sơn, xã An Hải, huyện Lý Sơn được đầu tư hoàn thành giai đoạn 1 vào năm 2007, có công suất 500 chiếc.

- Trên địa bàn tỉnh có 13 cơ sở đóng, sửa tàu thuyền tại các xã: Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Nghĩa Phú, Nghĩa An, xã Phổ Thạnh, xã Phổ Quang, xã Bình Châu, Bình Chánh, Bình Đông.

d) Nuôi trồng thủy sản: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015 - 2020; Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 14/7/2011 phê duyệt Quy hoạch tổng thể

phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020. Tuy nhiên, đến nay Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan được giao nhiệm vụ) chưa trình UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định hiện hành.

- Diện tích, sản lượng nuôi trồng thủy sản, hiệu quả đối với nền kinh tế.

Chỉ tiêu/năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016
1. Diện tích NTTS (ha)	1.402	1.275	1.898	1.510	1.397	1.363
- Nuôi nước lợ	636	610	615	636	540	450
- Nuôi nước ngọt	766	665	1.283	874	857	913
2. Sản lượng (tấn)	7.213	7.261	6.509	6.146	6.395	6.725

Trong những năm qua, diện tích nuôi thủy sản nước lợ có xu hướng giảm dần (năm 2011 là 636 ha nhưng đến năm 2016 chỉ còn 450 ha) nguyên nhân là do ô nhiễm môi trường vùng nuôi tôm chưa được giải quyết, bệnh tôm xảy ra thường xuyên, giá nguyên liệu đầu vào (thức ăn, hóa chất, con giống...) liên tục tăng, trong khi giá bán tôm sản phẩm giảm,...do vậy, nhiệu diện tích nuôi tôm bị bỏ trống, sản lượng thu hoạch thấp.

- Việc giao, cho thuê mặt nước biển nuôi trồng hải sản: Tỉnh không cho thuê mặt nước biển.

- Giống và vật tư đầu vào trong nuôi trồng hải sản: Những năm gần đây do nguồn nước biển ven bờ bị ô nhiễm, các trại sản xuất giống tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh hoạt động không hiệu quả nên đã thu hẹp sản xuất, chuyển sang ương dưỡng giống để cung cấp cho người nuôi tôm tại địa phương; hiện tại trên địa bàn tỉnh có 4 cơ sở kinh doanh giống tôm, trong đó 1 cơ sở trực tiếp sản xuất, 3 cơ sở còn lại chỉ thực hiện ương dưỡng; về sản xuất cá giống nước ngọt, chỉ mới có 1 trại sản xuất (Trại thực nghiệm cá giống nước ngọt Đức Phổ, chủ yếu là cá truyền thống như mè, trắm cỏ, chép... ngoài ra còn sản xuất cá rô phi đơn tính, ếch,...nhưng sản lượng chưa nhiều, chưa thực sự đưa vào sản xuất với quy mô hàng hoá như các đối tượng nuôi khác. Trên địa bàn tỉnh có 17 cơ sở kinh doanh thức ăn, thuốc thú y, chế phẩm sinh học và sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường cho nuôi trồng thủy sản; hầu hết các cơ sở đều chấp hành tốt và đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh đảm bảo chất lượng theo qui định.

- Các mô hình hợp tác, liên kết nuôi trồng hải sản trên địa bàn tỉnh chủ yếu theo quy mô hộ gia đình, các hợp tác xã, Chi Hội nuôi trồng thủy sản; tổ chức tập hợp cộng đồng những người nuôi tôm để triển khai các chủ trương chính sách, các qui định của Nhà nước, lịch thời vụ nuôi, chính sách ưu đãi đầu tư, qui định về công tác phòng chống dịch bệnh, công tác thú y,...giúp đỡ nhau trong sản xuất và kinh doanh; hiện nay, trên toàn tỉnh có 03 doanh nghiệp và 04 Hợp tác xã tham gia nuôi trồng thủy sản.

e) Chế biến, mua bán, xuất nhập khẩu hải sản

Sản lượng chế biến, mua bán, xuất nhập khẩu hải sản trên địa bàn tỉnh

Chỉ tiêu/năm	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Sản lượng (tấn)	3.409	7.305	8.216	21.838	11.669	16.016
Doanh thu XK (triệu USD)	4,9	4,0	6,6	12,2	13,1	13,6

- Bảo quản nguyên liệu thủy sản, sản phẩm hải sản: Các doanh nghiệp chế biến thuỷ sản hầu hết xây dựng nhà xưởng, kho lạnh bảo quản sản phẩm sau khi cấp đông, đáp ứng nhu cầu sản xuất của tỉnh; các doanh nghiệp chế biến thủy sản đã đầu tư công nghệ mới đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hải sản được cải thiện, các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu đều cải tạo nâng cấp nhà xưởng, thiết bị, được Cục quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản kiểm tra và có quyết định công nhận 10/10 cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và 5/10 cơ sở đủ tiêu chuẩn xuất khẩu hàng thủy sản vào EU.

- Xuất, nhập khẩu hàng hóa hải sản: Những mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ lực của tỉnh là: tôm đông lạnh các loại, cá thịt trắng fillet, cá nục cấp đông nguyên con, cá cơm khô, ruốc khô, cá khô tẩm gia vị,... sản phẩm đông lạnh bán thành phẩm chiếm tỷ trọng khoảng 70% về tổng sản lượng xuất khẩu. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu chế biến thô, gia công cho các đơn vị khác, sản phẩm được chế biến tinh và xuất khẩu trực tiếp tới các thị trường chiếm tỷ trọng nhỏ.

- Trên địa bàn tỉnh có hơn 27 cơ sở thu gom nguyên liệu thủy sản, hầu hết tập trung gần các cửa biển, một số doanh nghiệp chế biến tại Quảng Ngãi đã liên kết với các đại lý thu mua tại nhiều tỉnh từ Thanh Hoá đến Vũng Tàu.

g) Hợp tác quốc tế

- Phát triển hợp tác quốc tế về hoạt động hải sản: Không có.

- Khai thác hải sản ở ngoài vùng biển của Việt Nam: Tham gia khai thác trong Vùng đánh cá chung Vịnh Bắc bộ theo Hiệp định Hợp tác nghề cá giữa Việt Nam và Trung Quốc. Số tàu cá Quảng Ngãi được Tổng cục Thủy sản cấp phép khai thác trong Vùng đánh cá chung Vịnh Bắc bộ (được hoạt động phía đông đường phân định Vịnh Bắc bộ là vùng đặc quyền kinh tế của Trung Quốc) giai đoạn 2011-2016 như sau:

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Số tàu (chiếc)	77	59	22	0	0	02

- Khai thác hải sản ở vùng biển quốc gia khác: Thời gian qua không có tàu cá nào của Quảng Ngãi được Tổng cục Thủy sản cấp phép đi khai thác hợp pháp ở vùng biển quốc gia khác; tình trạng tàu cá và ngư dân Quảng Ngãi khai thác hải sản vùng biển các nước diễn ra khá nhiều, bị nước ngoài kiểm soát, bắt giữ, xử lý 92 vụ /118 tàu/1.568 lao động (theo Phụ lục 3). Ngoài ra, tàu cá và ngư dân Quảng Ngãi bị Trung Quốc kiểm soát, xua đuổi, bắt giữ, xử lý trên vùng biển thuộc chủ quyền

của Việt Nam (Hoàng Sa) từ 2010 đến nay có 178 vụ/190 tàu/2.111 lao động (theo Phụ lục 4).

h) Việc hỗ trợ cá nhân, tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản:

Trên địa bàn tỉnh có 07 dự án hạ tầng nuôi trồng thủy sản; trong đó: 01 dự án "Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung Nghĩa Hòa, tỉnh Quảng Ngãi" đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho chủ trương đầu tư tại Công văn số 397/BNN-KH ngày 15/01/2015 về việc chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa được bố trí kinh phí để thực hiện dự án này. Các dự án còn lại chưa có chủ trương cho đầu tư.

- Chính sách tín dụng: Tổng số tàu đóng mới được UBND tỉnh phê duyệt 06 đợt là 78 chiếc (27 vỏ thép, 44 vỏ gỗ, 07 vỏ composite); số tàu đã đóng xong đưa vào hoạt động là 34 chiếc (09 vỏ thép, 25 vỏ gỗ); số tàu đang đóng là 07 chiếc (06 vỏ gỗ, 01 vỏ composite); số tiền đã giải ngân là 238,92 tỷ đồng/255,34 tỷ đồng; phê duyệt nâng cấp tàu cá: 25 tàu, cho vay 15, 24 tỷ đồng vốn lưu động; bảo hiểm tàu là 105,754 tỷ đồng, trong đó NSNN hỗ trợ 92,915 tỷ đồng.

- Chính sách hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP: tỉnh chưa thực hiện, năm 2016 Chính phủ bỏ chính sách này.

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh tại Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 và Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi cụ thể hóa thành 02 chính sách, đó là:

+ Hỗ trợ thiệt hại do thiên tai: UBND tỉnh ban hành Quyết định 191/QĐ-UBND ngày 21/11/2010 và Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 12/4/2013 Ban hành một số chính sách hỗ trợ dân sinh, hỗ trợ sản xuất và cơ chế khắc phục các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh; kết quả thực hiện đến hết tháng 10/2016 đã hỗ trợ 21.787,2 triệu đồng, trong đó: về tài sản 17.025,5 triệu đồng/96 tàu thuyền và tài sản khác; về người: 36 triệu đồng/08 người; cứu nạn, cứu hộ: 1.915,3 triệu đồng/07 lượt; hỗ trợ 2.810,4 triệu đồng cho 293ha và 779m3 lồng nuôi thủy sản bị thiệt hại.

+ Hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh trong nuôi thủy sản: UBND tỉnh ban hành quy định chế độ tài chính về phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 09/3/2011; kết quả thực hiện đến cuối năm 2015 đã hỗ trợ 200 triệu đồng trên diện tích 08 ha bị thiệt hại do dịch bệnh trên địa bàn huyện Bình Sơn.

- Chính sách nhằm giảm tổn trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ: Đến nay, có 35 trường hợp cho vay đã được giải ngân với số tiền 6,71 tỷ đồng để mua thiết bị, máy móc (chủ yếu là máy dò cá phục vụ cho khai thác thủy sản).

- Quyết định 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ: Đây là chính sách đem lại hiệu quả rất thiết thực nhất, được thực hiện từ năm 2011, góp phần tăng hiệu quả sản xuất, tạo điều kiện cho ngư dân đầu tư đóng mới, cải hoán tàu có công suất lớn đủ điều kiện hoạt động vùng biển khơi dài ngày; đến nay

toàn tỉnh có 1.124 tàu cá đủ điều kiện khai thác vùng biển xa (30 đợt duyệt và 30 đợt xóa); đã hỗ trợ 31 đợt, với tổng số tiền là 826.594.389.253 đồng, trong đó gồm nhiên liệu, bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm thuyền viên; máy thông tin liên lạc tầm xa sóng HF; lắp đặt trạm bờ; hỗ trợ đóng mới tàu bị tàu nước ngoài đâm chìm.

- Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ: UBND tỉnh đã ban hành Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 29/01/2015; theo đó lĩnh vực thủy sản có các dự án: (1) Dự án xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; (2) Dự án nuôi tôm theo hướng thâm canh bền vững, an toàn sinh học; (3) Dự án nhà máy chế biến mực đại dương (mực xà); (4) Dự án nhà máy sản xuất ngư cụ, dây, lưới, sợi phục vụ nghề cá; đến nay chưa có dự án nào triển khai thực hiện, lý do lĩnh vực thủy sản tiềm ẩn nhiều rủi ro, dịch thường xuyên xảy ra, giá cả không ổn định.

- Chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ: theo qui định này thì một trong những điều kiện để được hỗ trợ là phải "thực hiện áp dụng VietGAP trong quá trình sản xuất, sơ chế đối với loại sản phẩm đăng ký" thời gian qua trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở sản xuất thủy sản nào áp dụng VietGAP do vậy chính sách này chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP Ngày 09/06/2015 (thay thế Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ), đến cuối năm 2015, dư nợ cho vay là 02 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ tương đối thấp; việc vay vốn lưu động phục vụ sản xuất thủy sản từ cuối năm 2014 đến nay chủ yếu vay theo Nghị định số 67/NĐ-CP ngày 07/7/2014.

- Sau khi UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2013-2015 tại Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 15/01/2013, đã có 04 HTX dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ được thành lập ở các xã: Phổ Thạnh, Phổ Quang, Nghĩa An, Tịnh Kỳ, đã hỗ trợ kinh phí thành lập mới cho 4 HTX nêu trên với tổng số tiền 120 triệu đồng và hỗ trợ đất cho 02 HTX (Phổ Thạnh, Phổ Quang). Tổng số HTX dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh đến nay là 08 HTX, hiện nay, chưa có HTX nào được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, kỹ thuật, HTX chưa tiếp cận được nguồn vốn vay của ngân hàng.

Đánh giá chung: Giai đoạn 2011-2016, các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển thủy thủy được ban hành và đưa vào áp dụng tương đối đầy đủ, được ngư dân trong tỉnh đồng tình ủng hộ, yên tâm bám biển, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc. Tuy nhiên, một số cơ chế chính sách đi vào thực tiễn sản xuất chưa nhiều; việc bố trí vốn hỗ trợ của các chính sách chưa đồng đều; cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương chưa thực sự là đòn bẩy thúc đẩy sản xuất nuôi trồng, chế biến thủy sản phát triển.

i) Xây dựng khu kinh tế quốc phòng trên biển đảo; lực lượng vũ trang tham gia phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh:

- Lực lượng vũ trang của tỉnh không tham gia khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản.

- Phòng thủ dân sự đối với các địa phương ven biển: UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an, ninh, trật tự khu vực biển, đảo; các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về Chiến lược biển Việt Nam; ban hành Kế hoạch "Bảo đảm trật tự trị an, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế trên biển, đảo" của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 tại Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 15/6/2011; thường xuyên chỉ đạo, xử lý tàu cá, ngư dân, các tổ chức, cá nhân đưa tàu ra nước ngoài khai thác hải sản trái phép, giảm thiểu tình trạng tàu cá, ngư dân bị nước ngoài bắt giữ; bảo đảm an ninh, trật tự liên quan đến sự cố môi trường biển tại các tỉnh miền Trung, tổ chức diễn tập ứng phó sóng thần và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện tại thành phố Quảng Ngãi; phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ Bộ Công an, Công ty TNHH MTV lọc hóa dầu Bình Sơn tổ chức diễn tập phương án phòng, chống khủng bố tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

k) Lực lượng cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm thông tin, liên lạc trên biển gồm Hải quân, Biên phòng, Cảnh sát biển, Dân quân tự vệ biển, Kiểm ngư:

- Lực lượng Biên phòng tổ chức tuần tra, kiểm soát thường xuyên khu vực biên giới biển, làm tốt công tác tổng hợp, phân tích, dự báo, đánh giá tình hình chủ quyền, an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội có liên quan đến vùng biển, đảo của tỉnh; kịp thời phát hiện âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của địch và các loại đối tượng; tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền xử lý kịp thời các vụ việc xảy ra trên khu vực biên giới biển đúng chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Các lực lượng Hải quân, Cảnh sát biển, Kiểm ngư, Dân quân tự vệ biển theo chức năng thực hiện tuần tra, giám sát trên vùng biển của tỉnh.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng phối hợp với Công an và cơ quan quân sự địa phương tổ chức tuần tra, kiểm soát thường xuyên khu vực biên giới biển của tỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thủy sản; huy động 58 tàu cá đăng ký làm nhiệm vụ "BT-BM", trong đó có 30 chiếc chính thức và 28 chiếc dự bị, với tổng số nhân lực 300 người là nam theo đúng tinh thần Nghị định số 30/2010/NĐ-CP ngày 23/9/2010 và Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 18/12/2015 của Chính phủ.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với lực lượng Công an, Bộ đội biên phòng, Cục Kiểm ngư, chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra liên ngành đối với người và tàu cá hoạt động thủy sản tại các cửa biển trong tỉnh, tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý các hành vi, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thuỷ sản trên vùng biển.

l) Công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật trong khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản:

- Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản 196 vụ, số tiền xử phạt 332.400.000đ (cụ thể

theo Phụ lục 5); Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an, dân quân địa phương tiến hành tuần tra, kiểm soát phát hiện và xử lý VPHC 33 trường hợp/39 lượt tàu cá/428 lượt ngư dân ở xã Bình Châu, huyện Bình Sơn và xã An Hải, huyện Lý Sơn, số tiền phạt là 1.493.000.000 đồng, trong đó: 17 trường hợp/17 tàu cá xâm phạm vùng biển các nước, xử phạt VPHC số tiền 1.082.000.000 đồng và tước giấy phép khai thác thủy sản và bằng thuyền trưởng từ 3 đến 6 tháng theo đúng Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; 16 trường hợp/22 lượt tàu cá không chấp hành sự kiểm tra, kiểm soát của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và sử dụng biển số tàu cá nước ngoài (Biển số giả), xử phạt VPHC số tiền 413.000.000 đồng theo Nghị định số 169/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 và Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản. Công an tỉnh tổ chức 114 ca tuần tra kiểm soát tuyến thủy nội địa, phát hiện 114 trường hợp vi phạm, nhắc nhở 82 trường hợp, xử phạt 32 trường hợp, số tiền 22.400.000đ; tiến hành kiểm tra, xử phạt hành chính đối với 11 cơ sở hoạt động trên lĩnh vực chế biến hải sản có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, số tiền 92.750.000, yêu cầu các cơ sở viết cam kết không thực hiện hành vi xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường; phối hợp với các lực lượng chức năng điều tra, xác minh làm rõ các trường hợp tàu bị nước ngoài bắt giam, giữ, đập phá, lấy tài sản, số tàu xâm phạm vùng biển nước ngoài khai thác hải sản; tiến hành kiểm tra và nhắc nhở cơ sở kinh doanh có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn.

- Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản: Giải quyết 01 trường hợp tàu cá làm ảnh hưởng đến nuôi trồng thủy sản của dân, yêu cầu 2 chủ tàu cá phải thỏa thuận bồi hoàn thiệt hại cho các ngư dân; giải quyết 02 trường hợp xây dựng dãy nhà dọc theo cảng Cảng cá Sa Huỳnh, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ hàng trăm mét làm cản trở tàu thuyền neo đậu và gây ách tắc giao thông.

m) Công tác xã hội hóa quản lý khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Trên địa bàn tỉnh chưa có tổ chức thực hiện việc chứng nhận, kiểm định độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp như: Chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn; Chứng nhận sản phẩm hợp quy; Chứng nhận các hệ thống quản lý ISO; Chứng nhận VietGAP trong lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản.

- Việc phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, tổ chức phản biện xã hội đối với các dự án khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản và các dự án sản xuất, chế biến có ảnh hưởng đến việc khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh còn hạn chế.

3. Những bất cập, hạn chế trong việc thực hiện chính sách pháp luật về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và nguyên nhân

a) Những bất cập, hạn chế

- Hoạt động của tàu cá Quảng Ngãi rộng khắp cả nước, thời gian hoạt động trên biển nhiều, không cố định về ngư trường, phụ thuộc vào mùa vụ, có khoảng 2.000 tàu cá thường xuyên hoạt động tại các ngư trường ngoài tỉnh, trú tại các cửa lạch, bãi ngang, tuyến đảo dọc theo chiều dài đất nước, nên rất khó khăn cho công tác tuyên truyền trực tiếp đến ngư dân lao động trên biển; các cấp chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức công tác tuyên truyền, giáo dục ngư dân.

- Việc đầu tư kinh phí xây dựng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền chưa đáp ứng được nhu cầu; luồng lạch vào cảng bị bồi lấp, tàu thuyền ra vào rất khó khăn, một số trường hợp đã xảy ra tai nạn gây thiệt hại tài sản (mắc cạn, sóng đánh chìm), các tàu có kích thước lớn không có chỗ neo đậu, rất nguy hiểm khi có thời tiết xấu; việc hợp tác khai thác thủy sản với các nước trong và ngoài khu vực biển Đông chưa đáp ứng nhu cầu của ngư dân; ô nhiễm môi trường vùng nuôi thủy sản ngày càng nhiều, vấn đề dịch bệnh trên tôm nuôi vẫn chưa có giải pháp khắc phục.

- Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm pháp luật về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản chưa thực sự nghiêm, lực lượng thanh tra chuyên ngành thủy sản vừa thiếu nhân lực lại không có tàu tuần tra nên không kiểm soát được hoạt động của tàu cá trên vùng biển ven bờ và vùng lộng của tỉnh.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Công an tỉnh các đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự đối với các địa phương ven biển, bảo vệ vùng trời, biển, đảo và xây dựng thế trận an ninh quốc phòng, phòng chống tội phạm trên biển, bảo vệ môi trường biển, hải đảo, bảo vệ nguồn lợi hải sản và ngư dân hoạt động kinh tế trên biển, đảo. Tuy nhiên, công tác phối hợp với các lực lượng quân sự, biên phòng trong tuyên truyền pháp luật về biển, đảo cho ngư dân chưa phát huy được hiệu quả; công tác điều tra, xác minh, thu thập thông tin, tài liệu đấu tranh, xử lý số chủ tàu cố ý đưa tàu sang nước ngoài khai thác hải sản trái phép còn gặp nhiều khó khăn, chế tài xử lý chưa đủ tính răn đe; việc trang bị phương tiện kỹ thuật cho Công an các huyện tuyến biển, đảo chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Việc các lực lượng vũ trang trên biển, đảo tham gia sản xuất, kinh doanh của về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; xã hội hóa công tác quản lý khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện.

b) Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế:

- Nguyên nhân chủ quan: Nhận thức của một bộ phận ngư dân về phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh còn hạn chế, ý thức chấp hành pháp luật kém, bị tác động bởi lợi ích kinh tế cao khi khai thác tại ngư trường nước ngoài; một số chính sách khi triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; năng lực lãnh đạo, quản lý các sở, ngành chuyên môn, một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa đáp ứng được yêu cầu; công tác quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế, sơ hở, tạo điều kiện cho các đối tượng lợi dụng; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật thủy sản tuy đã được thực hiện nhưng vẫn chưa đủ sự răn đe,

việc tái phạm còn xãy ra; công tác phối hợp giữa các sở, ngành chức năng chưa đồng bộ, chặt chẽ.

- Nguyên nhân khách quan: Vùng biển của tỉnh thường xuyên chịu nhiều tác động do thiên tai, bão lũ có cường độ lớn và tần suất cao; biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, gây thiệt hại lớn về kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân; số lượng tàu thuyền của tỉnh tuy lớn, nhưng đa số đánh bắt xa bờ; ngành chế biến thủy sản của tỉnh phát triển chưa mạnh. Việc hoạt động đánh bắt hải sản ở ngư trường xa, dài ngày nên công tác tuyên truyền, vận động nhất là những ngư dân trực tiếp hoạt động trên biển chưa thực sự hiệu quả; nguồn tài nguyên biển tại các ngư trường truyền thống dần bị cạn kiệt ngư dân có xu hướng tiếp cận và khai thác ở các ngư trường xa hơn, nhằm thu lợi nhuận cao.

Phần II

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC KHAI THÁC, NUÔI TRỒNG, CHẾ BIẾN HẢI SẢN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Những thách thức và cơ hội trong quản lý khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương hiện nay (cả trong nước và quốc tế)

a) Cơ hội: Quảng Ngãi là một tỉnh có tiềm năng phát triển thủy sản, trong thời gian qua đã có những bước tiến nhất định, tiềm năng về diện tích và nguồn lợi thủy sản, nguồn nhân lực dồi dào, giàu truyền thống trong sản xuất thủy sản, cần cù lao động, ham học hỏi; nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có điều kiện thuận lợi về thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản; có cảng nước sâu Dung Quất thuận lợi cho chế biến xuất khẩu thủy sản.

b) Thách thức: Mặc dù có nhiều thuận lợi cơ bản, tuy nhiên, để phát triển mạnh và vững chắc, ngành thủy sản gặp những khó khăn lớn sau:

- Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt với địa hình dốc, lũ lụt, hạn hán, bão và áp thấp nhiệt đới ngày càng diễn biến phức tạp, theo chiều hướng xấu, ảnh hưởng nhiều tới tổ chức sản xuất và tính mạng, tài sản của người dân. Tình hình trên biển Đông diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường, vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển giữa các nước trong và ngoài khu vực biển Đông, các tàu cá và ngư dân ta xâm phạm vùng biển khai thác hải sản trái phép; tình hình các loại tội phạm mua bán, vận chuyển, sử dụng thuốc nổ, ma túy, hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu ở vùng biển, đảo của tỉnh diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh trật tự trên khu vực biên giới biển của tỉnh.

- Thể chế chế chính sách lĩnh vực thủy sản còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ; cán bộ quản lý chuyên ngành các cấp, còn thiếu, yếu kém về năng lực; cơ sở hạ tầng cho phát triển thủy sản chưa đồng bộ; hệ thống cảng, bến cá; hệ thống thủy lợi cung cấp nước ngọt cho các vùng nuôi trồng thủy sản đầu tư chưa đáp ứng nhu cầu; nguồn lợi thủy sản ven bờ ngày càng cạn kiệt, việc giảm số lượng tàu thuyền nhỏ

gặp nhiều khó khăn do phải giải quyết việc làm cho lực lượng lao động dôi ra; việc đầu tư tàu khai thác hải sản xa bờ còn nhiều hạn chế, thiếu vốn; hệ thống các nhà máy và cơ sở chế biến còn yếu, công nghệ lạc hậu,..

2. Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn nêu trên, tỉnh đề ra một số định hướng cơ bản như sau:

- Đối với khai thác thủy sản: Phát triển khai thác thủy sản đi đôi với bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản; sắp xếp, nâng cao hiệu quả kinh tế đội tàu, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, phát triển các nghề khai thác thân thiện, hạn chế các nghề khai thác mang tính hủy diệt, giảm áp lực khai thác thủy sản vùng ven bờ.

- Đối với nuôi trồng thủy sản: Phát triển nuôi thủy sản theo hình thức thâm canh nơi có điều kiện thuận lợi, khai thác hiệu quả tiềm năng, điều kiện tự nhiên, đa dạng hóa đối tượng, đẩy mạnh phát triển nghề nuôi cá hồ chứa, tận dụng tối đa diện tích mặt nước trên các hồ chứa lớn như hồ: Nước Trong, Đăk Drinh, Núi Ngang,...,quan tâm giảm rủi ro về thị trường và dịch bệnh; đẩy mạnh công tác chuyển giao khoa học, công nghệ sản xuất.

- Đối với cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá: Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ nghề cá, khuyến khích phát triển các cơ sở đóng, sửa tàu thuyền, sản xuất giống và thức ăn nuôi trồng thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá đảm bảo yêu cầu chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Đối với chế biến, thương mại thủy sản: Mở rộng thị trường lên vùng Tây Nguyên và các tỉnh lận cận (Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa,...), các khu công nghiệp, khu du lịch trong và ngoài tỉnh; khuyến khích đầu tư phát triển cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản và hệ thống kho đông lạnh, ổn định nguồn nguyên liệu, sản phẩm có tính cạnh tranh cáo, phù hợp với các yêu cầu của thị trường nội địa và xuất khẩu; xây dựng mối liên kết giữa các khâu đánh bắt, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ thương mại thủy sản; áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến; tiếp cận với các thoả thuận khu vực và pháp luật quốc tế có liên quan, hoà nhập với sự phát triển chung của ngành thủy sản cả nước.

- Đối với hợp tác quốc tế: Tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức nước ngoài để đầu tư phát triển và nâng cao nhân lực; phát huy có hiệu quả cơ hội hợp tác với nước ngoài; chủ động tìm kiếm huy động các nguồn lực và phương thức hợp tác, tài trợ cho sự phát triển.

Phần III
GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở phân tính những kết quả đã đạt được, những bất cấp, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; trong thời gian tới, UBND tỉnh đề xuất các nhóm giải pháp và kiến nghị sau.

1. Giải pháp

a) Về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Đối với khai thác thủy sản: Khuyến khích và vận động ngư dân tham gia tổ chức quản lý các nghiệp đoàn nghề cá, chi hội nghề cá, HTX dịch vụ và khai thác thủy sản xa bờ, tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển,... kết hợp cung ứng vật tư cho sản xuất, thông báo ngư trường, thu gom, tiêu thụ sản phẩm; Tăng cường quản lý công tác đăng ký, đăng kiểm tàu thuyền, phân loại khả năng hoạt động của từng nhóm tàu, khuyến khích đóng mới tàu có công suất lơn, giải bản (cải hoán) những tàu không đảm bảo an toàn.

- Đối với nuôi trồng thủy sản: Thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra và quản lý hoạt động sản xuất giống, thức ăn, kinh doanh hoá chất và quản lý chất lượng vệ sinh con giống, ao nuôi và vùng nuôi tập trung; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực sản xuất giống, tổ chức nuôi với quy mô lớn tập trung, công nghệ cao; gắn chế biến, tiêu thụ sản phẩm với người nuôi trên cơ sở các hợp đồng kinh tế, gắn kết cung cấp đầu vào, truyền bá kỹ thuật, công nghệ nuôi trồng và bao tiêu sản phẩm.

- Đối với chế biến, thương mại thủy sản: Tạo điều kiện thuận lợi khu vực kinh tế tư nhân phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, giải quyết lao động và việc làm, thực hiện hợp tác giữa 4 nhà: Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông trong phát triển kinh tế thủy sản; đầu tư các dự án có chiều sâu, đổi mới công nghệ, đồng bộ trang thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn HACCP, GMP, SSOP, tiêu chuẩn chất lượng ISO-9000, ISO-14000 đảm bảo hoà nhập với xu thế của khu vực và thế giới; đào tạo, hướng dẫn các chủ hộ, HTX,...áp dụng công nghệ mới trong chế biến, bảo quản thủy sản, đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, hỗ trợ kiến thức marketing tiêu thụ sản phẩm.

b) Về thể chế, chính sách: Triển khai đồng bộ các chính sách của Nhà nước về hỗ trợ khai thác, nuôi trồng thủy sản, tổ chức dạy nghề, giải quyết việc làm cho số lao động đánh cá dôi ra trong quá trình chuyển đổi nghề nghiệp; khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng mô hình đồng quản lý nghề cá ven bờ và ven đảo Lý Sơn hỗ trợ kinh phí hoạt động của Khu bảo tồn biển Lý Sơn gắn với đầu tư phát triển du lịch.

c) Về chiến lượt, quy hoạch: Tiếp tục triển khai nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030; xây dựng cơ chế chính sách nhằm đa dạng hóa các hình thức đầu tư, khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia đầu tư.

c) Về tổ chức bộ máy: Kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan có chức năng quản lý khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản từ cấp tỉnh, huyện, xã.

d) Về nguồn lực: Thường xuyên cập nhật tiến bộ khoa học kỹ thuật, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật mới, kỹ năng quản lý thủy sản, mở các lớp tập huấn đầu bờ cho nhân dân; gửi ngư dân đi đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng để tiếp cận công nghệ mới, phương pháp sử dụng tàu thuyền, các trang thiết bị mới.

2. Kiến nghị

a) Đối với Chính phủ:

- Xem xét, thành lập cơ quan Kiểm ngư cấp tỉnh ở các tỉnh ven biển để quản lý hoạt động khai thác thủy sản trong vùng biển được phân cấp; ban hành chủ trương, chính sách tạo điều kiện để người dân sớm chuyển đổi ngành nghề khai thác hải sản mang tính bền vững; chính sách hỗ trợ cho ngư dân khi bị tàu các nước xua đuổi, quấy rối, tịch thu sản phẩm, trang thiết bị trên vùng biển xa thuộc chủ quyền Việt Nam, đặc biệt là vùng biển Hoàng Sa, Trường Sa và DK1.

- Bổ sung tăng thêm chỉ tiêu đóng mới tàu cá theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ cho tỉnh Quảng Ngãi; ngư dân tỉnh Quảng Ngãi có nhu cầu đóng mới tàu cá theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP nhưng tỉnh hết chỉ tiêu, do đó hạn chế phát huy đội tàu có công suất lớn.

b) Đối với các bộ, ngành Trung ương:

- Tiếp tục đàm phán, ký các hiệp định hợp tác nghề cá với các nước để mở rộng ngư trường khai thác hải sản hợp pháp; xây dựng Kế hoạch phát triển tàu cá quốc gia cần có lộ trình khả thi, đảm bảo xây dựng đội tàu cá hùng mạnh tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo; nghiên cứu thiết lập hệ thống thông tin giám sát vị trí, hành trình tàu cá nhằm quả lý có hiệu quả, phục vụ công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm, cứu nạn, bảo đảm an toàn sản xuất cho ngư dân.

- Ban hành lại tiêu chí mới để thống nhất trong việc thực hiện Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ công tác nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực thủy sản; tiếp tục hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu cá, hạ tầng nuôi trồng thủy sản, các công trình phòng thủ, các công trình hạ tầng thiết yếu đồng bộ, phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa xã hội gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật đối với cá nhân, tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh giai đoạn 2011-2016 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi ./.

Nơi nhận:
- Đoàn Giám sát của UBTVQH (Ủy ban QP-AN);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT thường trực UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Công thương, Y tế;
- BCH: Quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng tỉnh,
- Công an tỉnh.
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CBTH;
- Lưu VT, P.NNTN(LeSang71).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

Phần IV
PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số [illegible] ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Phụ lục 1: Số liệu Nghiệp đoàn nghề cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

TT	Tên nghiệp đoàn	Số lượng tổ trực thuộc	Số tàu cá tham gia	Số lượng đoàn viên
1	Tịnh Kỳ	15	56	250
2	Nghĩa An	12	85	629
3	Nghĩa Phú	7	60	113
4	Phổ Quang	22	67	1.422
5	Phổ Thạnh	37	70	922
6	Phổ Vinh	7	25	134
7	Phổ An	7	35	356
8	Bình Chánh	21	80	701
9	Bình Châu	26	130	1.013
10	Bình Thạnh	5	20	200
11	An Hải	17	49	657
12	An Vĩnh	14	21	401
	Tổng cộng	**190**	**698**	**6.798**

Phụ lục 2: Số lượng tàu cá tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2016:

Địa phương/ Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016
H. Bình Sơn	1.399	1.345	1.265	1.196	1.227	1.220
H. Sơn Tịnh	1.021	876	874	0	0	0
H. Tư Nghĩa	1.214	1.215	1.310	10	17	18
H. Mộ Đức	274	274	277	272	274	284
H. Đức Phổ	1.406	1.462	1.471	1.422	1.448	1.570
H. Lý Sơn	426	419	433	415	410	407
TP Q.Ngãi	4	4	4	2.146	2.178	2.000
Tổng số tàu cá (chiếc)	**5.744**	**5.595**	**5.634**	**5.461**	**5.554**	**5.499**
Tổng công suất (CV)	**637.628**	**742.608**	**868.023**	**1.007.507**	**1.154.879**	**1.383.002**

Phụ lục 3: Tàu cá và ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài bị kiểm soát, bắt giữ, xử lý từ 2010 đến nay:

STT	Năm	Nước bắt	Tổng số			Ghi chú
			Vụ	Tàu	Lao động	
1	2010	Malaysia	1	1	15	Xâm phạm lãnh hải Malaysia
2	2011	Indonesia	1	2	20	Tổng số: 06 vụ/ 07 tàu/ 106 lao động. (Xâm phạm lãnh hải)
		Malaysia	3	3	65	
		Philippin	2	2	21	
3	2012	Indonesia	2	2	24	Tổng số: 10 vụ/ 10 tàu/ 82 lao động. (Xâm phạm lãnh hải)
		Malaysia	2	2	28	
		Philippin	2	2	25	
		Campuchia	4	4	5	
4	2013	Indonesia	3	5	64	Tổng số: 08 vụ/ 12 tàu/ 153 lao động (Xâm phạm lãnh hải)
		Malaysia	4	6	76	
		Philippin	1	1	13	
5	2014	Indonesia	1	1	13	Tổng số: 13 vụ/ 25 tàu/ 338 lao động (Xâm phạm lãnh hải)
		Australia	4	6	88	
		Palau	3	8	103	
		Micronesia	3	5	63	
		Malaysia	1	1	19	
		Mariana (khối thịnh vượng chung thuộc Mỹ)	1	4	52	
6	2015	Micronesia	6	9	106	Tổng số: 19 vụ/ 22 tàu/ 286 lao động (Xâm phạm lãnh hải)
		Palau	6	6	73	
		Brunei	1	1	31	
		Malaisia	3	3	42	
		Papua New Guine	1	1	15	
		Philipin	2	2	19	
7	2016	Australia	10	12	174	Tổng số: 35 vụ/ 41 tàu/ 588 lao động (Xâm phạm lãnh hải)
		Palau	1	2	24	
		Papua New Guine	7	7	103	
		Philipin	1	2	24	

		Nouvelle Caledonie	8	8	121	
		Micronesia	2	2	33	
		Indonexia	3	3	43	
		Malaysia	2	2	55	
		Campuchia	1	3	11	
Tổng cộng			**92**	**118**	**1.568**	

Phụ lục 4: Tàu cá và ngư dân Quảng Ngãi bị Trung Quốc kiểm soát, xua đuổi, bắt giữ, xử lý trên vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam (Hoàng Sa) từ 2010 đến nay:

STT	**Năm**	**Tổng số**			**Ghi chú**
		Vụ	**Tàu**	**Lao động**	
1	2010	6	7	174	
2	2011	6	6	94	
3	2012	25	25	237	
4	2013	30	39	401	
5	2014	30	30	321	
6	2015	60	62	648	
7	2016	21	21	234	Đài Loan xua đuổi 2 vụ/2 tàu
Tổng cộng		**178**	**190**	**2.111**	

Phụ lục 5: Thanh tra ngành Nông nghiệp và PTNT xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản giai đoạn 2011-2016:

TT	Năm	Số vụ vi phạm	Số tiền xử phạt (đ)	Ghi chú
1	2011	50	13.650.000	
2	2012	42	67.600.000	
3	2013	48	85.000.000	
4	2014	26	27.000.000	
5	2015	18	58.550.000	
6	2016	12	80.600.000	
Cộng		196	332.400.000	